

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW, ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Kết luận số 36-KL/TW, ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Kết luận số 36-KL/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phổ biến, quán triệt sâu rộng Kết luận số 36-KL/TW; nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp và Nhân dân về bản chất và các vấn đề cơ bản của an ninh nguồn nước; phát huy tối đa các nguồn lực, quyết tâm đổi mới tư duy và hành động nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

Bám sát nội dung Kết luận số 36-KL/TW, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tổ chức triển khai thực hiện, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp, các ngành phải chú trọng công tác phối hợp, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm nhằm đạt kết quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý. Chủ động tích trữ, điều hoà, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: Hoàn thành việc lập quy hoạch chuyên ngành của tỉnh liên quan đến nước; 90% hộ gia đình ở thành thị và 60% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất; cơ bản sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các đập, hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng chống lũ theo thiết kế.

- Đến năm 2030: Cân đối đủ nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Giải quyết căn bản nước sinh hoạt cho các xã: Tân Hiệp và Tam Hải; xây dựng hệ thống công trình điều tiết nước mặn, nước ngọt, tích trữ nước trên các lưu vực sông; hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống lũ; bước đầu khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng tại một số lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi lớn; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước.

- Đến năm 2045: Chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm các hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; dự báo, cảnh báo dài hạn để xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; kiểm soát và khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi; hoàn thiện chính sách về nước đồng bộ, thống nhất, liên vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới

- Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để nâng cao nhận thức và tham gia của các cấp lãnh đạo, người dân và toàn xã hội về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước, về tài nguyên nước, thủy lợi, nước sạch, phòng, chống thiên tai. Phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan trong việc chủ động tích trữ, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; nhân rộng, phổ biến những cách làm hay, những mô hình hiệu quả trong quản lý, khai thác công trình hồ, đập.

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, kết hợp phương thức truyền thống với tuyên truyền qua mạng xã hội; lồng ghép vào một số chương trình giảng dạy.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến nước theo hướng quản lý nhu cầu, xã hội hóa, chuyển đổi số, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, tăng cường phân cấp, giảm thủ tục hành chính, công khai minh bạch; huy động nguồn lực, tạo điều kiện, động lực cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng ngành nước, xử lý nước thải; xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích người dân sử dụng nước tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng nước, tái sử dụng nước, bảo vệ môi trường nước.

- Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng ngành nước; phòng, chống thiên tai, giám sát, bảo vệ chất lượng nước; duy trì dòng chảy tối thiểu; cấp nước an toàn, hiệu quả; xây dựng quy trình xác định lượng nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước và cơ chế chia sẻ nguồn nước công bằng ở cấp lưu vực, cấp địa phương, tiến tới quy định hạn mức nước cho từng đối tượng sử dụng.

- Rà soát, xây dựng hoàn chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích xây dựng công trình chuyển nước, trữ nước, cấp nước sinh hoạt, góp phần bảo đảm cân đối được nguồn nước ngọt ở quy mô từng hộ, thôn/xóm, xã, huyện, đặc biệt cho vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước.

- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý theo hướng thống nhất quản lý tài nguyên nước.

3. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thủy lợi, tài nguyên nước và điều tra cơ bản, đánh giá trữ lượng nguồn nước

- Xây dựng kịch bản phát triển, giải quyết các tác động cực đoan về hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, bảo vệ môi trường nước.

- Rà soát lại quy hoạch thủy lợi trên địa bàn tỉnh, lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, quy hoạch phòng, chống lũ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư theo quy hoạch; đánh giá thực hiện quy hoạch; quy hoạch hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị, điểm dân cư nông thôn tập trung.

- Triển khai điều tra cơ bản phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định. Theo dõi, giám sát chặt chẽ nguồn nước, kịp thời phát hiện xử lý những vấn đề bất thường về lưu lượng, mực nước, chất lượng của nguồn nước.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ dữ liệu về hoạt động quy hoạch, nguồn nước phục vụ quản lý hiệu quả nguồn nước và đáp ứng yêu cầu Chính phủ số.

4. Chủ động tích trữ, điều hoà, phân phối nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội

- Tổ chức lại các ngành sản xuất, nhất là đối với sản xuất nông nghiệp bảo đảm phù hợp với điều kiện nguồn nước ở từng vùng, địa phương.

- Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lại thời vụ, diện tích, giống cây trồng, vật nuôi theo định hướng chuỗi giá trị của các nhóm sản phẩm chủ lực, phù hợp với điều kiện nguồn nước của từng vùng, miền, địa phương, lưu vực sông, hệ thống thủy lợi; nghiên cứu phát triển các giống cây trồng, vật nuôi sử dụng ít nước, có khả năng chịu mặn cao; khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ưu tiên cung cấp nước cho sinh hoạt, chăn nuôi, cây trồng lâu năm có giá trị kinh tế cao.

- Điều hoà, phân phối nguồn nước từ các công trình thủy lợi, thủy điện cho các nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả cho sản xuất, sinh hoạt. Ưu tiên nguồn cấp nước sinh hoạt từ các công trình hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện.

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, đặc biệt đối với các hoạt động có nhu cầu sử dụng nước cao. Tăng cường giám sát, kiểm kê nguồn nước, ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi, thủy điện.

- Huy động nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công tư để đầu tư, quản lý vận hành công trình hạ tầng ngành nước; xây dựng các hồ chứa nước phục vụ đa mục tiêu.

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, đô thị; hỗ trợ, trang bị thiết bị thu nước, chứa nước và xử lý nước sử dụng tại hộ gia đình đối với những vùng khó khăn về nguồn nước. Rà soát, điều chỉnh, kết nối liên thông giữa hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn và đô thị.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước

- Rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, quy trình vận hành của đập, hồ chứa nước so với thiết kế ban đầu để có giải pháp nâng cấp năng lực trữ nước, ứng phó với mưa lũ cực đoan, vận hành theo thời gian thực và hướng tới phục vụ đa mục tiêu.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức, hoàn thiện hệ thống quản lý, khai thác đập, hồ chứa, thủy lợi, thủy điện bảo đảm quy định, nâng cao về chất lượng nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị, ứng dụng khoa học, công nghệ, hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành; quản lý, khai thác đập, hồ chứa thủy lợi, thủy điện đảm bảo theo quy định.

- Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho các đập, hồ chứa nước theo quy định. Vận hành công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu hạ du các đập, hồ chứa nước; đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các công trình đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh, kịp thời xử lý các phát sinh, vướng mắc.

- Ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để quản lý chất lượng trong thiết kế, thi công dự án sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới đập, hồ chứa nước.

- Tập trung hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa hư hỏng, xuống cấp và thiếu khả năng chống lũ, đặc biệt đối với đập, hồ chứa nước có nguy cơ mất an toàn cao; xây dựng mới các hồ chứa nước tại các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng để trữ nước, chuyển nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất, đẩy mặn, cắt giảm lũ đảm bảo an toàn cho vùng hạ du.

6. Phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu

- Tăng cường năng lực cho công tác dự báo, cảnh báo nguồn nước, thiên tai theo thời gian thực, kịp thời cung cấp số liệu, chủ động trong bố trí sản xuất và sinh hoạt, hỗ trợ ra quyết định.

- Hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống chống ngập đô thị, công nghiệp, khu dân cư; hệ thống quan trắc, cảnh báo, dự báo; kiểm tra, rà soát phương án hộ đê, bảo vệ các vị trí xung yếu trọng điểm.

- Bảo vệ, dành không gian thoát, chứa nước lũ, nước mưa, thoát lũ trên các dòng sông. Quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, nhất là trên các tuyến sông lớn đang bị suy thoái lòng dẫn, ảnh hưởng đến khả năng lấy nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

- Đầu tư, nâng cấp hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, động đất, sóng thần; chú trọng nâng cấp mạng lưới trạm, điểm đo mặn.

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng đập ứng được yêu cầu chống chịu mưa, lũ lớn, dài ngày, kết hợp các giải pháp chủ động ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai bất lợi; tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển.

- Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng thiết yếu kết hợp sơ tán dân, đường cứu hộ, cứu nạn; xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các dự án di dân khẩn cấp phòng chống lũ quét, sạt lở đất.

7. Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ mới, từng bước thực hiện chuyển đổi số để chủ động ứng phó với thiên tai liên quan đến nước và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung vào các giải pháp phục vụ hiện đại hóa quản lý, khai thác hiệu quả hạ tầng ngành nước; bảo vệ môi trường nước.

- Tăng cường nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, tuần hoàn, tái sử dụng nước, tăng năng suất nước; đẩy mạnh áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên diện rộng; phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước thông minh đô thị. Hướng tới vận hành các hồ chứa thủy điện theo thời gian thực; công nghệ trữ nước phân tán, liên kết, sử dụng nước từ hồ thủy điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất vùng núi; phát triển giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn, mặn, sử dụng ít nước.

- Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ, công cụ, phương pháp tiên tiến, hiện đại trong xây dựng, quan trắc công trình, kiểm tra, kiểm định, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước và các công trình ngành nước khác để nâng cao mức đảm bảo an toàn; nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động của các hoạt động phát triển thượng nguồn đến dòng chảy đến, bồi lắng lòng hồ, an toàn đập, hồ chứa nước.

8. Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải; đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu và lộ trình giảm xả thải vào môi trường nước mặt, vào công trình thủy lợi không còn khả năng chịu tải; phục hồi các dòng sông, nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng; hoàn thành việc công bố, kiểm soát dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối và hạ lưu các hồ chứa; tăng cường lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Tăng cường tỷ lệ đầu nối nước thải từ hộ gia đình, cơ sở sản xuất đến hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ việc thu gom, xử lý nước thải, quan trắc, giám sát nước thải, đặc biệt đối với các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm; tăng cường tỷ lệ tái sử dụng nước thải sau xử lý.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt và bảo vệ môi trường nước dưới đất; thực hiện các biện pháp kiểm

soát, hạn chế khai thác nước dưới đất, triển khai chương trình phục hồi, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; tăng cường bảo vệ hệ sinh thái đất ngập nước và hệ sinh thái thủy sinh, rừng và các nguồn sinh thủy; ưu tiên thực hiện đối với các lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Tam Kỳ và các hệ thống công trình thủy lợi lớn, quan trọng.

9. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh nguồn nước

- Thực hiện hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia; chủ động tham gia, mở rộng hợp tác quốc tế có hiệu quả về an ninh nguồn nước, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; trong đó, tập trung vào hợp tác trong phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai liên quan đến nước; nghiên cứu thiết lập các cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột nguồn nước xuyên biên giới.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đàm phán, trao đổi, chia sẻ thông tin, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm, chính sách về an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Huy động nguồn lực quốc tế trong thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp có trách nhiệm tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước và giám sát việc thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương tổ chức tuyên truyền tạo sự thống nhất nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội đối với an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước. Kịp thời phản ánh tình hình, kết quả thực hiện chính sách an ninh nguồn nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể triển khai thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận số 36-KL/TW trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào quy định của Trung ương và tình hình thực tiễn của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các ban đảng TW, Văn phòng TW Đảng,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể CT-XH tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Phan Việt Cường